

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin tại trụ sở Văn phòng Đảng ủy phường Vĩnh Hội.
- Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin tại trụ sở Văn phòng Đảng ủy phường Vĩnh Hội.
- Chủ đầu tư: Văn phòng Đảng ủy phường Vĩnh Hội
- Nguồn vốn: Cân đối từ dự toán Thành phố bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 3442/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Địa điểm thực hiện: Văn phòng Đảng ủy phường Vĩnh Hội.

2. Mục đích mua sắm:

- Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin tại Văn phòng Đảng ủy phường Vĩnh Hội.
- Đảm bảo đáp ứng đúng quy định, bảo đảm mô hình, cấu hình kỹ thuật phù hợp nhu cầu thực tế, tiết kiệm, hiệu quả và đúng tiến độ.
- Khắc phục cơ bản những tồn tại, yếu kém về hạ tầng thiết bị, nhân lực công nghệ thông tin. Hoàn thiện nền tảng dùng chung, chuẩn hóa và kết nối các hệ thống công nghệ thông tin cơ sở với trung tâm giám sát tập trung, nâng cao an toàn an ninh thông tin khi cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

3. Quy mô mua sắm:

Stt	Tên thiết bị/ hệ thống	ĐVT	SL
1	Bản quyền phần mềm (License)		
1.1	Bản quyền Office	Bản quyền	40
2	Trang thiết bị đầu cuối cho cán bộ, công chức (thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đáp ứng cấu hình tối thiểu theo		

	Quy định số 3676-QĐ/VPTW ngày 27 tháng 3 năm 2025 và Công văn số 18468- CV/VPTW ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng)		
2.1	Máy tính để bàn (kèm theo bản quyền hệ điều hành Windows)	Bộ	36
2.2	Máy tính để bàn (kèm theo bản quyền hệ điều hành Windows)	Bộ	3
2.3	Máy tính xách tay (kèm theo bản quyền hệ điều hành Windows)	Cái	1
2.4	Máy in laser	Bộ	14
2.5	Máy scan		
2.5.1	Máy scan tài liệu số hóa khổ giấy A4	Bộ	2
2.5.2	Máy scan tài liệu lưu trữ lịch sử	Bộ	2
3	Hệ thống phòng họp trực tuyến (thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 14939- CV/VPTW ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Công văn số 18468-CV/VPTW ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng)		
3.1	Màn hình phòng họp trực tuyến 100 inch	Bộ	4
3.2	Hệ thống âm thanh		
3.2.1	Micro chủ tịch cần dài	Cái	10
3.2.2	Micro đại biểu cần dài	Cái	70
3.2.3	Bộ điều khiển trung tâm	Cái	2
3.2.4	Loa hộp 15W	Cái	12
3.2.5	Dây cáp nối dài 10m	Sợi	4
3.2.6	Âm ly	Cái	2
3.2.7	Dây loa	Mét	400
3.4	Chân đế di chuyển	Bộ	4
3.5	Vật tư và thi công hệ thống phòng họp trực tuyến	Gói	1
4	Hạ tầng mạng (thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 14939-CV/VPTW ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Công văn số 18468-CV/VPTW ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng)		

4.1	Lắp đặt, bảo hành/ bảo trì PC tận nơi	Gói	40
4.2	Lắp đặt, bảo hành/ bảo trì máy in và máy scan tận nơi (khu vực 1)	Gói	18
4.3	Lắp đặt, thi công node mạng	Gói	1

4. Yêu cầu mua sắm:

- Việc mua sắm, triển khai đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ thời gian.
- Hàng hóa cung cấp phải mới 100% chưa qua sử dụng, được đóng gói nguyên đai nguyên kiện, có tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ (CO), và chất lượng hàng hóa (CQ), đối với hàng hóa sản xuất trong nước phải có Giấy chứng nhận xuất xưởng.

5. Yêu cầu về kỹ thuật

5.1. Yêu cầu chung

- Tất cả hàng hóa phải có tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ (CO) và chất lượng hàng hóa (CQ), đối với hàng hóa sản xuất trong nước phải có Giấy chứng nhận xuất xưởng.
- Tất cả hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông được quy định tại Thông tư 02/2024/TT-BTTTT ngày 29 tháng 03 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền Thông phải có phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định.
- Tất cả thiết bị đều phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có bảo hành, bảo trì sau bán hàng.
- Các chi phí liên quan đến dịch vụ đi kèm (bao gồm cả chi phí vận chuyển, bảo hiểm, lưu kho) do nhà thầu chi trả.

5.2. Yêu cầu chi tiết

Cấu hình tối thiểu cần đáp ứng như sau:

STT	Tên hàng hóa/ dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Bản quyền phần mềm (License)	
1.1	Bản quyền Office	Phần mềm và bản quyền vĩnh viễn Microsoft Office Home 2024 trở lên hoặc tương đương Bao gồm các ứng dụng quan trọng như Word, Excel, PowerPoint và OneNote; Bản quyền vĩnh viễn, không cần gia hạn hàng năm; Sử dụng 1 bản quyền/1 người dùng.

2	Trang thiết bị đầu cuối cho cán bộ, công chức (thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đáp ứng cấu hình tối thiểu theo Quy định số 3676-QĐ/VPTW ngày 27 tháng 3 năm 2025 và Công văn số 18468- CV/VPTW ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng)	
2.1	Máy tính để bàn (kèm theo bản quyền hệ điều hành Windows)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xử lý >= Intel Core i5 - Bộ nhớ: >= 8GB DDR4 - Ổ cứng >= SSD 250GB - Có tích hợp card đồ họa, card mạng, âm thanh và đầy đủ các cổng giao tiếp USB, Máy in, LAN, Audio - Đồ họa UHD Graphics 730 - Âm thanh "1x Line-in 1x Headphone-out" - Cổng mạng 1 x Realtek 1Gb Ethernet - Màn hình máy tính để bàn >= 21,5", Độ phân giải: 1920 x 1080 (Full HD), Tỉ lệ khung hình: 16:9 Wide, Góc nhìn: 178°/178°, Số màu hiển thị: 16.7M, Cổng kết nối: VGA port, HDMI port (kèm Cable HDMI) - Hệ điều hành (có bản quyền): Hệ điều hành Windows 11 Pro trở lên hoặc tương đương
2.2	Máy tính để bàn (kèm theo bản quyền hệ điều hành Windows)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xử lý >= Intel Core i5 - Bộ nhớ: >= 8GB DDR4 - Ổ cứng >= SSD 250GB - Có tích hợp card đồ họa, card mạng, âm thanh và đầy đủ các cổng giao tiếp USB, Máy in, LAN, Audio - Đồ họa UHD Graphics 730 - Âm thanh "1x Line-in 1x Headphone-out" - Cổng mạng 1 x Realtek 1Gb Ethernet - Màn hình máy tính để bàn >= 21,5", Độ phân giải: 1920 x 1080 (Full HD), Tỉ lệ khung hình: 16:9 Wide, Góc nhìn: 178°/178°, Số màu hiển thị: 16.7M, Cổng kết nối: VGA port, HDMI port (kèm Cable HDMI) - Hệ điều hành (có bản quyền): Windows 11 Pro trở lên hoặc tương đương
2.3	Máy tính xách tay (kèm theo bản quyền hệ điều hành Windows)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xử lý >= Intel Core i5 trở lên - Bộ nhớ: >= 8GB DDR4 - Ổ cứng >= SSD 512G - Màn hình máy tính để bàn >= 19"

		<ul style="list-style-type: none"> - VGA: Intel UHD Graphics - Màn hình: 14 inch FHD (1920*1080), 60Hz 300 nits IPS-Level, 45% NTSC - Hệ điều hành (có bản quyền): Windows 11 Pro trở lên hoặc tương đương
2.4	Máy in laser	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ in (A4): ≥ 48 trang / phút / Độ phân giải: $\geq 1200 \times 1200$ dpi - Thời gian in trang đầu tiên (từ chế độ sẵn sàng): ≤ 6.7 giây / Khay giấy vào: ≥ 250 tờ / Khay nạp giấy thủ công: ≥ 100 tờ - Khay giấy ra: ≥ 150 tờ - Kích thước giấy: A4, Letter, B5 (JIS), A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, A4 (Short)/270 mm, Folio, 16K - Định lượng giấy (khay nạp giấy thủ công): 60 – 230 gsm - Tốc độ bộ xử lý: \geq Cortex-A53 1.2GHz Dual Core / Bộ nhớ: ≥ 1GB - Màn hình: 16 ký tự x 1 dòng / Giao tiếp: Hi-Speed USB 2.0, 10Base-T/100BaseTX/1000Base-T -Giải Pháp Di Động (AirPrint, Mopria) hoặc công nghệ tương đương - Sử dụng hộp mực in theo máy: Đen $\geq 3,000$ trang / Công suất in hàng tháng: 90.000 trang - Bảo hành: ≥ 12 tháng - Tương thích hệ điều hành Windows.
2.5	Máy scan	
2.5.1	Máy scan tài liệu số hóa khổ giấy A4	<p>Máy quét tài liệu số hóa khổ giấy A4</p> <p>Tính năng quét 2 mặt tự động ADF</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ quét chế độ Đen trắng, Màu, Than xám: Một mặt: 40 trang /phút; Hai mặt: 80 hình /Phút - Quét thẻ với độ dày: 1.25 mm - Khay nạp giấy: tối thiểu 50 tờ (A4: 80 g/m² hoặc 20 lb.) - Công suất quét ngày: 5,000 tờ/ngày - Cổng giao tiếp kết nối: USB 2.0 / TWAIN, ISIS, WIA - Bộ nhớ đệm: 128MB SDRAM - Màn hình hiển thị: LCD - Độ ồn âm thanh: chế độ vận hành nhỏ hơn 52 dB

		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ điều hành tương thích: Windows, Linux, MacOS, Window server - Phần mềm quét đi kèm: Giao diện Tiếng Việt - Bảo Hành 12 tháng
2.5.2	Máy scan tài liệu lưu trữ lịch sử	<p>Máy quét tài liệu lưu trữ lịch sử:</p> <p>Tính năng: Quét 2 mặt tự động (ADF) và tích hợp khay quét phẳng (Flatbed)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khổ giấy: tối đa A4 - Tốc độ quét (ADF, A4, Màu, 300 dpi): Một mặt: 70 trang /phút; Hai mặt: 140 hình /Phút; Flatbed : 1.5 giây (200 dpi/ 300 dpi) - Quét thẻ với độ dày: 1.25 mm - Khay nạp giấy (ADF): 100 tờ (A4: 80 g/m² hoặc 20 lb.) - Công suất quét ngày: 15,000 trang/ngày - Scan thuận tiện, không cần máy tính: Có cổng USB 2.0 để scan và gửi trực tiếp dữ liệu từ máy in qua USB - Cổng giao tiếp kết nối: USB 3.2 / TWAIN, ISIS ; RJ-45 Ethernet 10/100/1000 Mb; - Bộ nhớ đệm: 512MB SDRAM - Màn hình hiển thị: LCD - Độ ồn âm thanh: chế độ vận hành nhỏ hơn 53dB - Hệ điều hành tương thích: Windows, Linux, MacOS, Window server - Phần mềm quét đi kèm: Giao diện Tiếng Việt - Bảo Hành 12 tháng.
3	Hệ thống phòng họp trực tuyến (thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 14939- CV/VPTW ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Công văn số 18468-CV/VPTW ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng)	
3.1	Màn hình phòng họp trực tuyến 100 inch	<p>Smart Tivi</p> <ul style="list-style-type: none"> ≥ 100 inch ≥ Ultra HD (3840 x 2160) ≥ 3 x HDMI, ≥ 1 x USB, ≥ 1 x RJ45, Wifi, Bluetooth
3.2	Hệ thống âm thanh	
3.2.1	Micro chủ tịch cần dài	<p>Sự tiêu thụ năng lượng: 1,3 W</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phản hồi thường xuyên: 30 Hz đến 20 kHz (Hệ thống điện)

		<ul style="list-style-type: none"> • THD:<0,5% • S / N:> 93 dBA • Tỷ lệ lấy mẫu:44,1 kHz • Trở kháng tải tai nghe:> 32 ohms <1k ohm • Loa tối đa. công suất đầu ra đỉnh:4 W • Đầu ra danh nghĩa của loa:72 dB SPL • Đáp ứng tần số loa của người tham gia:200 Hz đến 16 kHz (âm thanh) • Mẫu cực micrô:Cardioid • Phản hồi tần số micrô của người tham gia:125 Hz đến 15 kHz • Đầu vào danh nghĩa micrô:85 dB SPL
3.2.2	Micro đại biểu cân dài	<p>Sự tiêu thụ năng lượng:1,3 W</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phản hồi thường xuyên:30 Hz đến 20 kHz (Hệ thống điện) • THD:<0,5% • S / N:> 93 dBA • Tỷ lệ lấy mẫu:44,1 kHz • Trở kháng tải tai nghe:> 32 ohms <1k ohm • Loa tối đa. công suất đầu ra đỉnh:4 W • Đầu ra danh nghĩa của loa:72 dB SPL • Đáp ứng tần số loa của người tham gia:200 Hz đến 16 kHz (âm thanh) • Mẫu cực micrô:Cardioid • Phản hồi tần số micrô của người tham gia:125 Hz đến 15 kHz • Đầu vào danh nghĩa micrô:85 dB SPL
3.2.3	Bộ điều khiển trung tâm	<p>Các cổng kết nối:</p> <ul style="list-style-type: none"> >= 2 x RCA input >= 5 x RCA output >= 1 x Micro USB <p>Khả năng cấp nguồn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp vào: 100 đến 240 VAC ± 10% - Dòng điện tiêu thụ: tối đa 1.9A (100 VAC) đến 1 A (240 VAC) - Nguồn DC cung cấp cho các thiết bị đại biểu và chủ toạ: 24V ± 1V

		<p>Âm lượng: -24 dBV (+6/-24 dB) 6 dB mỗi bước</p> <p>Tổng méo hài: Nominal input < 0.5 Max. input < 0.5</p> <p>Tỉ lệ mẫu: - Ghi: 32kHz - Phát: 32, 44.1, 48kHz</p> <p>Bit Rate: - Ghi: 64, 96, 128, 256 KBit/sec - Phát: bất kỳ</p> <p>Vật liệu: - Trên: polyme - Dưới: kim loại sơn màu</p> <p>Màu than tro & đen hoặc tương đương</p> <p>Lắp đặt: Trên bàn hoặc rack 19 inch</p> <p>Thời gian bảo hành >= 12 tháng</p>
3.2.4	Loa hộp	<p>Công suất >= 22.5 W</p> <p>Công suất định mức (PHC) >= 15 W</p> <p>Power tapping 15/7.5/3.75/1.9 W</p> <p>Sound pressure level 99/87 dB (SPL)</p> <p>Effective frequency Range 99/87 dB (SPL)</p> <p>Rated voltage 11/70/100 V</p> <p>Kích thước (H x W x D) 441x151x150/111mm hoặc tương đương</p> <p>Trọng lượng 2.5kg hoặc tương đương</p> <p>An toàn EN 60.065</p> <p>Màu sắc Trắng hoặc tương đương</p> <p>Thời gian bảo hành >= 12 tháng</p>
3.2.5	Dây cáp nối dài	<p>Chiều dài 10m</p> <p>Đường kính $5,9 \pm 0,3$ mm</p> <p>Vật liệu PVC</p> <p>Màu Màu xám hoặc tương đương</p> <p>Vật liệu đầu nối Nhựa đúc</p> <p>Màu của đầu nối Màu xám hoặc tương đương</p> <p>Thời gian bảo hành >= 12 tháng</p>
3.2.6	Âm ly	<p>Tần số thu sóng tối đa 18kHz</p>

		<p>Tần số thu sóng tối thiểu 80Hz Màu sắc Màu đen hoặc tương đương Nguồn điện 220V Công suất 120W Trọng lượng 8,9kg hoặc tương đương Thời gian bảo hành \geq 12 tháng</p>
3.2.7	Dây loa	<p>Công suất tối đa 22.5 W Công suất định mức (PHC) 15 W Power tapping 15/7.5/3.75/1.9 W Sound pressure level 99/87 dB (SPL) Effective frequency Range 99/87 dB (SPL) Rated voltage 11/70/100 V Kích thước (H x W x D) 441x151x150/111mm hoặc tương đương Trọng lượng 2.5kg hoặc tương đương An toàn EN 60.065 Màu sắc Trắng hoặc tương đương Thời gian bảo hành \geq 12 tháng</p>
3.3	Chân đế di chuyển	<p>Khung gắn di động: Phù hợp cho màn hình từ 55 - 100 inch, Độ cao điều chỉnh: 1m35 – 1m65</p>
3.4	Vật tư và thi công	<p>Nhân công lắp đặt, vật tư phụ kiện phòng họp trực tuyến (Bao gồm thiết bị Bàn trộn âm thanh Mixer)</p>
4	<p>Hạ tầng mạng (thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 14939-CV/VPTW ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Công văn số 18468-CV/VPTW ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Văn phòng Trung ương Đảng)</p>	
4.1	Lắp đặt, bảo hành/ bảo trì PC tận nơi	<p>- Kỹ thuật viên đến tận nơi: bảo trì phần cứng (vệ sinh bụi bẩn, kiểm tra linh kiện, cáp mạng) và bảo trì phần mềm (dọn rác, diệt virus, cập nhật hệ điều hành/ứng dụng, tối ưu hóa hiệu suất, sao lưu dữ liệu), kết hợp hỗ trợ kỹ thuật khắc phục sự cố như lỗi mạng, treo máy, cài đặt/nâng cấp, đảm bảo máy tính hoạt động ổn định, hiệu quả và an toàn. - Báo cáo về hiệu suất và tình trạng máy, đề xuất giải pháp nâng cấp hoặc tối ưu hóa cho người dùng (nếu có) - Thời gian tiếp nhận và có mặt xử lý sự cố: trong vòng 60 phút * Có thiết bị thay thế tạm trong trường hợp thiết bị hỏng hóc nặng cần thời gian để sửa chữa.</p>

4.2	Lắp đặt, bảo hành/ bảo trì máy in và máy scan tận nơi (khu vực 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật viên đến tận nơi khắc phục sự cố, vệ sinh, bảo dưỡng định kỳ nhanh chóng: kiểm tra tổng quát (Đánh giá tình trạng máy, phát hiện lỗi), vệ sinh linh kiện, hiệu chỉnh, cập nhật firmware, driver, hiệu chỉnh màu sắc, kết nối mạng (nếu nó) đảm bảo máy hoạt động ổn định, nâng cao tuổi thọ. - Thời gian tiếp nhận và có mặt xử lý sự cố: trong vòng 60 phút. <p>* Có thiết bị thay thế tạm trong trường hợp thiết bị hỏng hóc nặng cần thời gian để sửa chữa.</p>
4.3	Lắp đặt, thi công node mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát và thiết kế mạng: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định vị trí đặt node mạng. + Tính toán số lượng cổng mạng, chiều dài dây cáp, thiết bị cần dùng. - Thi công, lắp đặt: <ul style="list-style-type: none"> + Kéo dây mạng (Cat5e, Cat6, Cat6A...) từ tủ mạng đến từng vị trí node. - Đấu nối đầu RJ45, patch panel, switch. - Gắn nhãn, đánh số từng node để dễ quản lý. - Kiểm tra & cấu hình: <ul style="list-style-type: none"> + Dùng thiết bị test để kiểm tra tín hiệu, tốc độ truyền. + Cấu hình switch/router (nếu có). + Đảm bảo từng node hoạt động ổn định, có internet hoặc mạng nội bộ. - Nghiệm thu và bàn giao: Ghi sơ đồ mạng, vị trí các node. - Đã bao gồm vật tư, dây mạng, đầu bấm liên quan: nẹp nhựa luôn dây điện, ống cứng luôn dây tín hiệu, ruột gà, mặt nạ mạng, nhãn mạng, đầu mạng RJ45, nhãn dán, dây rút, tắc kê, ốc vít, băng keo...

6. Yêu cầu thời gian cung cấp

- Thời gian cung cấp sản phẩm: sớm nhất là **10** ngày, chậm nhất là **30** ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

7. Yêu cầu bảo hành, bảo trì trong quá trình sử dụng

- Thời gian bảo hành của nhà sản xuất: Các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của e-HSMT phải có thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất (tối thiểu 12 tháng).

- Thời gian bảo hành, bảo trì của nhà thầu: Nhà thầu thực hiện cam kết bảo hành, bảo trì đối với các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của e-HSMT (tối thiểu 12 tháng) kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

- Trong thời gian bảo hành, tùy vào từng trường hợp (sự cố phức tạp hay đơn giản) hỗ trợ đơn vị sử dụng, quản lý, vận hành thông qua nhiều hình thức: Hỗ trợ trực tiếp, hỗ trợ từ xa (thông qua điện thoại, email, phần mềm điều khiển, ...) sao cho thuận tiện để đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt và khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất;
- Nâng cấp phần mềm, thay thế linh kiện miễn phí trong thời hạn bảo hành.
- Tối ưu hóa, cấu hình hệ thống để bảo đảm hiệu năng hệ thống, sửa chữa hệ thống định kỳ và đột xuất nếu có sự cố hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- Phương thức bảo hành, bảo trì: Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật (nhân sự có chuyên môn phù hợp) đến để tiếp nhận thông tin không chậm quá 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Việc thực hiện bảo hành khi thiết bị có sự cố và quá trình khắc phục không được kéo dài quá 7 ngày làm việc trừ trường hợp phải đặt hàng từ nước ngoài hoặc cần phối hợp hỗ trợ từ hãng sản xuất.)

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển, lắp đặt, kết nối với hệ thống cũ đảm bảo an toàn dữ liệu và hệ thống hoạt động thông suốt duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, hướng dẫn sử dụng.
- Hàng hóa phải sử dụng công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng, khí thải ít độc hại, hàng hóa sản xuất không vi phạm trách nhiệm xã hội.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Khi nhà thầu bàn giao sản phẩm, Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà thầu.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa cung cấp cho gói thầu bất kỳ thời điểm nào và sẽ thông báo cho nhà thầu trước 02 ngày trước khi kiểm tra. Phương pháp kiểm tra/ thử nghiệm: mang hàng hóa bất kỳ để đi kiểm tra tại (bên thứ ba) cơ quan/đơn vị có thẩm quyền để kiểm tra chỉ tiêu chất lượng của hàng hóa (Chi phí kiểm tra/ thử nghiệm do nhà thầu chịu).
- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.
- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những

điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và nhà thầu phải chịu mọi trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.